

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>652.998.359.524</b>	<b>353.621.638.320</b>
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	43.282.153.765	20.397.307.715
111	1. Tiền		43.282.153.765	20.397.307.715
130	II Các khoản phải thu ngắn hạn		261.072.347.493	200.831.544.060
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	284.181.113.790	212.465.250.379
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.890.643.230	7.581.659.174
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	6.409.722.671	14.193.766.705
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(33.409.132.198)	(33.409.132.198)
140	III Hàng tồn kho	8	327.652.423.969	129.281.929.578
141	1. Hàng tồn kho		327.652.423.969	129.281.929.578
150	IV Tài sản ngắn hạn khác		20.991.434.297	3.110.856.967
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.588.783.588	3.110.856.967
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		19.402.650.709	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>441.896.232.413</b>	<b>461.421.515.618</b>
210	I Các khoản phải thu dài hạn		120.000.000.000	130.000.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	13	120.000.000.000	130.000.000.000
220	II Tài sản cố định		124.066.066.051	132.111.940.252
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	108.915.304.501	116.786.984.902
222	- Nguyên giá		234.641.938.472	235.912.279.297
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(125.726.633.971)	(119.125.294.395)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	15.150.761.550	15.324.955.350
228	- Nguyên giá		18.288.889.829	18.288.889.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.138.128.279)	(2.963.934.479)
240	III Tài sản dở dang dài hạn		26.818.109.675	26.815.009.675
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	26.818.109.675	26.815.009.675
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	156.017.723.852	156.017.723.852
251	1. Đầu tư vào công ty con		79.950.000.000	79.950.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		77.515.000.000	77.515.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.447.276.148)	(1.447.276.148)
260	V Tài sản dài hạn khác		14.994.332.835	16.476.841.839
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	14.994.332.835	16.476.841.839
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.094.894.591.937</b>	<b>815.043.153.938</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>605.523.558.291</b>	<b>321.112.895.935</b>
310	<b>I Nợ ngắn hạn</b>		<b>584.992.223.591</b>	<b>300.899.841.235</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	154.243.777.854	75.409.228.063
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.367.521.958	2.717.277.663
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	4.584.835.911	6.122.201.893
314	4. Phải trả người lao động		7.313.393.575	6.380.030.556
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.654.229.505	970.461.738
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	548.892.731	1.153.443.636
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	36.455.784.278	658.533.277
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	371.717.161.148	200.316.117.778
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.106.626.631	7.172.546.631
330	<b>II Nợ dài hạn</b>		<b>20.531.334.700</b>	<b>20.213.054.700</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	20.531.334.700	20.213.054.700
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>489.371.033.646</b>	<b>493.930.258.003</b>
410	<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	20	<b>489.371.033.646</b>	<b>493.930.258.003</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		375.997.100.000	375.997.100.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		375.997.100.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		67.810.722.053	67.810.722.053
415	3. Cổ phiếu quỹ		(15.990.198.846)	(15.990.198.846)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		21.081.546.919	21.081.546.919
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		40.471.863.520	45.031.087.877
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		9.027.777.877	24.740.598.524
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		31.444.085.643	20.290.489.353
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.094.894.591.937</b>	<b>815.043.153.938</b>

Nguyễn Thị Thúy  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 07 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính riêng**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2016	30/06/2015	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			01/04/2016	01/04/2015	2016	2015
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	682.183.921.036	627.729.589.985	1.454.470.347.411	1.161.029.930.582
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	5.406.309.574	4.830.853.486	13.695.786.060	6.963.261.828
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		676.777.611.462	622.898.736.499	1.440.774.561.351	1.154.066.668.754
11	4. Giá vốn hàng bán	24	625.875.183.866	585.645.818.385	1.337.555.077.717	1.097.526.001.917
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		50.902.427.596	37.252.918.114	103.219.483.634	56.540.666.837
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	6.974.409.974	4.134.048.976	6.990.639.834	9.151.113.867
22	7. Chi phí tài chính	26	2.591.920.821	6.322.673.547	7.991.628.112	14.410.624.513
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.587.329.594	6.322.673.547	7.987.036.885	6.322.673.547
25	8. Chi phí bán hàng	27	28.269.612.544	12.497.730.691	47.300.367.079	22.111.862.872
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	8.987.858.365	10.136.873.162	13.994.838.106	14.351.612.538
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.027.445.840	12.429.689.690	40.923.290.171	14.817.680.781
31	11. Thu nhập khác	29	22.070.962	253.269.481	22.072.480	464.572.245
32	12. Chi phí khác	30	253.428.489	235.154.348	1.483.283.246	235.395.214
40	13. Lợi nhuận khác		(231.357.527)	18.115.133	(1.461.210.766)	229.177.031



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng  
Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2016	30/06/2015	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			01/04/2016	01/04/2015	2016	2015
			VND	VND	VND	VND
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.796.088.313	12.447.804.823	39.462.079.405	15.046.857.812
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	3.684.795.544	2.482.021.041	8.017.993.762	3.009.371.562
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>14.111.292.769</u>	<u>9.965.783.782</u>	<u>31.444.085.643</u>	<u>12.037.486.250</u>

  
Nguyễn Thị Thúy  
Kế toán trưởng



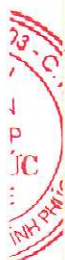
  
Nguyễn Hữu Thế  
Tổng Giám đốc  
Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 07 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	<b>I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		39.462.079.405	15.046.857.812
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.065.040.067	7.304.652.943
03	- Các khoản dự phòng		-	4.696.600.750
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.135.323.136)	(9.403.272.177,0)
06	- Chi phí lãi vay		7.987.036.885	14.409.900.371
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		55.378.833.221	32.054.739.699
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(79.888.725.253)	100.493.381.626
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(198.370.494.391)	91.643.928.841
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		76.488.990.849	(41.875.260.629)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.004.582.383	(6.298.989.644)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.702.689.662)	(14.311.479.330)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.713.918.848)	(1.686.281.691)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.065.920.000)	(889.810.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(158.869.341.701)	159.130.228.872
	<b>II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.553.930.663)	(7.543.209.901)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.676.348.099	650.325.269
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.235.910.945	9.888.002.483
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		10.358.328.381	2.995.117.851
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.232.573.856.220	995.893.221.210
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.061.172.812.850)	(1.150.108.436.870)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.184.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		171.395.859.370	(154.215.215.660)





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		22.884.846.050	7.910.131.063
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		20.397.307.715	7.159.256.124
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>43.282.153.765</u>	<u>15.069.387.187</u>



Nguyễn Thị Thúy  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 07 năm 2016



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 375.997.100.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 375.997.100.000 đồng; tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Dụng, lắp kết cấu thép và bê tông đúc sẵn; Luyện gang, thép;
- Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thương mại và dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Kinh doanh lữ hành nội địa; quốc tế;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 35.

**2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng này kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

**2.5 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong ngày 01/01/201 được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh củangày 01/01/201.

**2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.



**2.9 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.10 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.11 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700 m2 đất tại Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720 m2 đất tại Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m2 đất tại Phường Khai Quang và Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m2 tại Khu biệt thự nhà vườn, Xã Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.



**2.12 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.15 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, v.v., chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.17 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**2.18 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.



Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **2.19 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:



- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng có liên quan.

## **2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

## **2.21 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng (bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán). Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## **2.22 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

### **a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

## **2.24 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính riêng**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mỗi quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	318.466.627	397.702.022
Tiền gửi ngân hàng	42.963.687.138	19.999.605.693
	<u><u>43.282.153.765</u></u>	<u><u>20.397.307.715</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính riêng**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	30/06/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	79.950.000.000	79.950.000.000	-	79.950.000.000	79.950.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức <sup>(1)</sup>	79.950.000.000	79.950.000.000	-	79.950.000.000	79.950.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	77.515.000.000	76.067.723.852	(1.447.276.148)	77.515.000.000	76.067.723.852	(1.447.276.148)
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức <sup>(3)</sup>	66.640.000.000	66.640.000.000	-	66.640.000.000	66.640.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	10.875.000.000	9.427.723.852	(1.447.276.148)	10.875.000.000	9.427.723.852	(1.447.276.148)
	<b>157.465.000.000</b>	<b>156.017.723.852</b>	<b>(1.447.276.148)</b>	<b>157.465.000.000</b>	<b>156.017.723.852</b>	<b>(1.447.276.148)</b>

**Đầu tư vào Công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	99,94%	99,94%	Sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn

**Đầu tư vào Công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	Sản xuất thép chất lượng cao
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức (1)	Tỉnh Vĩnh Phúc	99,92%	99,92%	Sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức (3)	Tỉnh Vĩnh Phúc	37,99%	37,99%	Sản xuất thép chất lượng cao
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	109.401.005.459	53.674.329.113
- Công ty Cổ Phần Thép Tổng Hợp	26.152.205.424	34.486.001.583
- Doanh nghiệp tư nhân Nam Châm	24.160.382.218	3.544.876.177
- Các khoản phải thu khách hàng khác	124.467.520.689	120.760.043.506
	<b>284.181.113.790</b>	<b>212.465.250.379</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	284.181.113.790	212.465.250.379
	<b>284.181.113.790</b>	<b>212.465.250.379</b>
<b>c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 34)</b>		
	<b>4.845.444.527</b>	<b>20.076.192.211</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính riêng**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

**6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.091.211.111	-	1.336.482.222	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.388.532	-	6.357.533	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	22.928.427	-	22.278.525	-
Tạm ứng	1.085.559.488	-	11.459.382.079	-
Ký cược, ký quỹ	3.738.000.000	-	1.307.438.550	-
Phải thu khác	470.635.113	-	61.827.796	-
	<b>6.409.722.671</b>	<b>-</b>	<b>14.193.766.705</b>	<b>-</b>

**7 . NỢ XẤU**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán	33.409.132.198	-	33.409.132.198	-
- Công ty TNHH Trường Quang	9.926.128.448	-	9.926.128.448	-
- Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thiên Phúc Lộc	23.483.003.750	-	23.483.003.750	-
	<b>33.409.132.198</b>	<b>-</b>	<b>33.409.132.198</b>	<b>-</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	26.120.288.214	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	183.858.580.385	-	37.399.615.736	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.277.514.488	-	6.218.506.252	-
Thành phẩm	109.801.835.180	-	82.152.518.474	-
Hàng hoá	1.594.205.702	-	3.511.289.116	-
	<b>327.652.423.969</b>	<b>-</b>	<b>129.281.929.578</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

**9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>26.818.109.675</b>	<b>26.815.009.675</b>
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh <sup>(1)</sup>	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh <sup>(2)</sup>	18.230.076.663	18.226.976.663
- Chi phí quyền sử dụng đất Miền Nam	13.487.558	13.487.558
	<u><b>26.818.109.675</b></u>	<u><b>26.815.009.675</b></u>

(1) Chi phí chuyển nhượng hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh. Hiện tại dự án đang trong quá trình chờ các cơ quan chức năng phê duyệt quy hoạch bổ sung.

(2) Hợp tác đầu tư dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Đức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011 của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE và quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc. Các chi phí đã phát sinh chủ yếu là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng. Dự án đang trong thời gian chờ phê duyệt từ các cơ quan chức năng. Thông tin chi tiết về dự án xem tại thuyết minh số 18.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	96.670.542.413	115.626.399.677	22.016.762.489	1.598.574.718	235.912.279.297
- Mua trong năm	1.200.000.000	8.350.830.663	-	-	9.550.830.663
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.853.880.579)	(967.290.909)	-	(10.821.171.488)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>97.870.542.413</b>	<b>114.123.349.761</b>	<b>21.049.471.580</b>	<b>1.598.574.718</b>	<b>234.641.938.472</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	30.958.773.287	79.809.977.337	7.198.030.582	1.158.513.189	119.125.294.395
- Khấu hao trong kỳ	1.784.100.236	9.068.408.426	2.766.486.003	271.851.602	13.890.846.267
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6.846.165.022)	(443.341.669)	-	(7.289.506.691)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>32.742.873.523</b>	<b>82.032.220.741</b>	<b>9.521.174.916</b>	<b>1.430.364.791</b>	<b>125.726.633.971</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	65.711.769.126	35.816.422.340	14.818.731.907	440.061.529	116.786.984.902
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>65.127.668.890</b>	<b>32.091.129.020</b>	<b>11.528.296.664</b>	<b>168.209.927</b>	<b>108.915.304.501</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	18.219.064.829	69.825.000	18.288.889.829
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>18.219.064.829</b>	<b>69.825.000</b>	<b>18.288.889.829</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.894.109.479	69.825.000	2.963.934.479
- Khấu hao trong năm	174.193.800	-	174.193.800
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.068.303.279</b>	<b>69.825.000</b>	<b>3.138.128.279</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	15.324.955.350	-	15.324.955.350
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>15.150.761.550</b>	<b>-</b>	<b>15.150.761.550</b>

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.568.445.596	3.034.291.037
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	20.337.992	76.565.930
	<b>1.588.783.588</b>	<b>3.110.856.967</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	6.323.314.654	6.411.546.952
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	2.700.000.000	3.600.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	5.078.463.794	5.153.770.814
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	892.554.387	1.267.078.683
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	44.445.390
	<b>14.994.332.835</b>	<b>16.476.841.839</b>

**13 . PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay dài hạn	120.000.000.000	130.000.000.000
	<b>120.000.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2011-NQ-VGP ngày 16/10/2011 và Hợp đồng, các phụ lục hợp đồng, Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay để đầu tư xây dựng nhà máy thép chất lượng cao. Thời hạn vay là 10 năm, lãi suất sẽ được áp dụng theo tỷ lệ lãi vay của các ngân hàng cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính riêng**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

**14 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	01/01/2016		Trong năm		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên <sup>(1)</sup>	88.450.070.525	88.450.070.525	643.315.774.577	497.000.070.532	234.765.774.570	234.765.774.570
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên <sup>(2)</sup>	37.986.094.424	37.986.094.424	228.741.137.715	227.992.789.489	38.734.442.650	38.734.442.650
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc <sup>(3)</sup>	46.239.817.489	46.239.817.489	165.916.943.928	186.139.817.489	26.016.943.928	26.016.943.928
- Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Vĩnh Phúc <sup>(4)</sup>	13.724.500.000	13.724.500.000	194.600.000.000	136.124.500.000	72.200.000.000	72.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Vĩnh Phúc <sup>(5)</sup>	13.915.635.340	13.915.635.340		13.915.635.340	-	-
	<b>200.316.117.778</b>	<b>200.316.117.778</b>	<b>1.232.573.856.220</b>	<b>1.061.172.812.850</b>	<b>371.717.161.148</b>	<b>371.717.161.148</b>



**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/1509578/HĐTD ngày 30/06/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 370 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C;
  - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 30/06/2017, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
  - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2016 là 7,1%/năm;
  
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: toàn bộ tiền thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản đã, đang và sẽ thế chấp, cầm cố, ký quỹ tại ngân hàng và các nguồn thu nhập khác.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 15.51.0168/2015-HĐTDHM/NHCT262-Ớng thép Việt Đức ngày 29/07/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thép, ống thép và các sản phẩm khác từ thép;
  - + Thời hạn của hợp đồng: đến hết ngày 20/07/2016, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 04 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2016 là 6,9%/năm;
  
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bằng hàng hóa quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa kèm theo mà 2 bên đã ký kết.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 01815005/HĐTD ngày 30/06/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 70 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thép, ống thép và các sản phẩm khác từ thép;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng;
  - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2016 là 7,0%/năm;
  
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: được đảm bảo bằng hàng tồn kho luân chuyển và công nợ phải thu từ các khách hàng lớn theo hợp đồng thế chấp đã ký kết.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 390.086/2016/HĐTD-LPBVP ngày 26/05/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
  - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và mở L/C, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể nhưng không quá 05 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể. Lãi suất tại ngày 30/06/2016 là 7,2%/năm;
  
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ phát sinh giữa Công ty với DNTN Nam Châm theo hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ đã được ký kết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính riêng**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	85.266.489.152	85.266.489.152	59.109.193.116	59.109.193.116
- Công ty CP Thương mại và Vận tải Việt Đức	3.429.474.167	3.429.474.167	8.833.147.921	8.833.147.921
- Công ty TNHH TM Khánh Dư	18.806.735.692	18.806.735.692	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	46.741.078.843	46.741.078.843	7.466.887.026	7.466.887.026
	<b>154.243.777.854</b>	<b>154.243.777.854</b>	<b>75.409.228.063</b>	<b>75.409.228.063</b>
<b>b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán</b>				
- Phải trả người bán ngắn hạn	154.243.777.854	154.243.777.854	75.409.228.063	75.409.228.063
	<b>154.243.777.854</b>	<b>154.243.777.854</b>	<b>75.409.228.063</b>	<b>75.409.228.063</b>
<b>c) Phải trả người bán là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)				
	100.000.000	100.000.000		



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.833.112.967	7.801.334.219	10.634.447.186	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	33.547.500	33.547.500	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.213.918.848	8.017.993.762	6.713.918.848	-	4.517.993.762
Thuế Thu nhập cá nhân	-	75.170.078	259.469.905	267.797.834	-	66.842.149
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	3.311.700	3.311.700	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	<b>6.122.201.893</b>	<b>16.118.657.086</b>	<b>17.656.023.068</b>	-	<b>4.584.835.911</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	284.347.223	
- Chi phí phải trả khác	2.369.882.282	970.461.738
	<b>2.654.229.505</b>	<b>970.461.738</b>

**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	277.978.995	478.121.994
- Bảo hiểm thất nghiệp	571.660	1.303.660
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	36.177.233.623	179.107.623
	<b>36.455.784.278</b>	<b>658.533.277</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.063.334.700	1.745.054.700
- Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	18.468.000.000	18.468.000.000
	<b>20.531.334.700</b>	<b>20.213.054.700</b>

(\*) Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh là khoản tiền đã nhận của đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/04/2011 về việc đầu tư Dự án Khu đô thị Việt Đức LEGEND CITY tại nút giao thông đường trục chính khu đô thị mới Mê Linh với quốc lộ 2A tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh phúc giữa Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (Bên A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức (Bên B), theo đó: các bên thống nhất sử dụng tư cách pháp lý, hóa đơn, mã số thuế, tài khoản của Bên A trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, thành lập Ban điều hành Dự án để thay mặt các bên triển khai các thủ tục pháp lý, tổ chức quản lý kinh doanh và giám sát việc thực hiện hợp đồng; lợi nhuận sau thuế của Dự án được phân chia cho các bên theo tỷ lệ vốn đã góp, trong trường hợp cần thiết các bên sẽ phân chia sản phẩm của Dự án cho mỗi bên theo tỷ lệ vốn đã góp. Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án là 1.000 tỷ đồng, trong đó vốn tự có là 200 tỷ đồng (Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE góp 26% tương đương 52 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức góp 74% tương đương 148 tỷ đồng), vốn vay và huy động của các tổ chức cá nhân khác là 800 tỷ đồng.

**19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê Văn phòng	548.892.731	1.153.443.636
	<b>548.892.731</b>	<b>1.153.443.636</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính riêng**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	18.376.148.338	33.741.426.024	479.935.197.569
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	27.053.985.807	27.053.985.807
Phân phối lợi nhuận năm 2015	-	-	-	2.705.398.581	(6.763.496.454)	(4.058.097.873)
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	(9.000.827.500)	(9.000.827.500)
Số dư cuối năm trước	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	21.081.546.919	45.031.087.877	493.930.258.003
Số dư đầu năm nay	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	21.081.546.919	45.031.087.877	493.930.258.003
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	31.444.085.643	31.444.085.643
Chia cổ tức năm 2015 <sup>(2)</sup>	-	-	-	-	(36.003.310.000)	(36.003.310.000)
Số dư cuối năm nay	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	21.081.546.919	40.471.863.520	489.371.033.646

(2) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 26/03/2016 của Hội đồng quản trị, Công ty công bố về việc chia cổ tức năm 2015 với số tiền là 1.000 đồng/1 cổ phiếu, tương ứng tổng số tiền chia cổ tức là 36.003.309.999 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính riêng**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	30/06/2016 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2016 VND
Vốn góp của các cổ đông	95,75%	360.033.100.000	95,75%	360.033.100.000
- Ông Lê Minh Hải	7,60%	28.575.000.000	6,03%	22.660.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	6,28%	23.624.990.000	6,28%	23.624.990.000
- Các cổ đông khác	81,87%	307.833.110.000	83,44%	313.748.110.000
Cổ phiếu quỹ	4,25%	15.964.000.000	4,25%	15.964.000.000
	<b>100%</b>	<b>375.997.100.000</b>	<b>100%</b>	<b>375.997.100.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	30/06/2016 VND	30/06/2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	375.997.100.000	375.997.100.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	37.599.710
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.596.400	1.596.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.596.400	1.596.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.003.310	36.003.310
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	36.003.310	36.003.310
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	21.081.546.919	21.081.546.919
	<b>21.081.546.919</b>	<b>21.081.546.919</b>

**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Ngoại tệ các loại**

	30/06/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.200,78	1.626,78
	<b>1.200,78</b>	<b>1.626,78</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính riêng**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

**22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	30/06/2016 01/04/2016	30/06/2015 01/04/2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	256.925.186.064	248.910.346.691
Doanh thu bán thành phẩm	411.965.825.560	371.162.415.938
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.292.909.412	7.656.827.356

**682.183.921.036****627.729.589.985**

**Doanh thu đối với các bên liên quan**  
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

**21.915.369.467****39.694.965.937****23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	30/06/2016 01/04/2016	30/06/2015 01/04/2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	5.039.352.988	3.951.597.892
Hàng bán bị trả lại	318.246.586	67.353.464
Giảm giá hàng bán	48.710.000	811.902.130

**5.406.309.574****4.830.853.486****24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	30/06/2016 01/04/2016	30/06/2015 01/04/2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	261.978.438.297	248.291.766.299
Giá vốn của thành phẩm đã bán	351.950.882.569	329.854.245.765
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.945.863.000	7.499.806.321

**625.875.183.866****585.645.818.385****25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	30/06/2016 01/04/2016	30/06/2015 01/04/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	6.974.409.974	4.134.048.976

**6.974.409.974****4.134.048.976**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	30/06/2016 01/04/2016	30/06/2015 01/04/2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.587.329.594	6.322.673.547
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.591.227	
	<b>2.591.920.821</b>	<b>6.322.673.547</b>

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	30/06/2016 01/04/2016	30/06/2015 01/04/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	189.009.257	215.024.392
Chi phí nhân công	2.196.718.005	2.217.809.386
Chi phí khấu hao tài sản cố định	633.750.194	202.153.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.599.836.724	9.571.366.042
Chi phí khác bằng tiền	650.298.364	291.377.647
	<b>28.269.612.544</b>	<b>12.497.730.691</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	30/06/2016 01/04/2016	30/06/2015 01/04/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	357.860.176	659.477.479
Chi phí nhân công	5.835.683.521	2.631.506.451
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.175.336.397	566.326.329
Thuế, phí, lệ phí	13.959.229	377.887.363
Chi phí dự phòng	-	4.696.600.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	723.163.799	586.346.928
Chi phí khác bằng tiền	881.855.243	618.727.862
	<b>8.987.858.365</b>	<b>10.136.873.162</b>

**29 . THU NHẬP KHÁC**

	30/06/2016 01/04/2016	30/06/2015 01/04/2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	253.205.296
Thu nhập từ tiền phạt, tiền đền bù tổn thất	12.000.000	64.185
Thu nhập khác	10.070.962	
	<b>22.070.962</b>	<b>253.269.481</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	30/06/2016 01/04/2016	30/06/2015 01/04/2015
	VND	VND
Các khoản bị phạt	252.109.998	235.000.000
Chi phí khác	1.318.491	154.348
	<b>253.428.489</b>	<b>235.154.348</b>

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	30/06/2016 01/04/2016	30/06/2015 01/04/2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.796.088.313	12.447.804.823
Thu nhập tính thuế TNDN	17.796.088.313	12.447.804.823
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất của hoạt động còn thu nhập sau khi bù trừ	3.684.795.544	2.482.021.041
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.684.795.544</b>	<b>2.482.021.041</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	4.333.198.218	527.350.521
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.500.000.000)	(527.350.521)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>4.517.993.762</b>	<b>2.482.021.041</b>

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**

Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

**Báo cáo tài chính riêng**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

**33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	406.559.515.986	256.925.186.064	13.292.909.412	676.777.611.462	676.777.611.462
Chi phí bộ phận trực tiếp	351.950.882.569	261.978.438.297	11.945.863.000	625.875.183.866	625.875.183.866
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>54.608.633.417</b>	<b>(5.053.252.233)</b>	<b>1.347.046.412</b>	<b>50.902.427.596</b>	<b>50.902.427.596</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	9.550.830.663	-	-	9.550.830.663	9.550.830.663
Tài sản bộ phận	624.505.372.600	111.078.919.982	46.923.635.165	782.507.927.747	782.507.927.747
Tài sản không phân bổ				302.835.833.527	302.835.833.527
<b>Tổng tài sản</b>	<b>634.056.203.263</b>	<b>111.078.919.982</b>	<b>46.923.635.165</b>	<b>1.094.894.591.937</b>	<b>1.094.894.591.937</b>
Nợ phải trả bộ phận	494.536.567.302	83.800.136.928	2.612.227.431	580.948.931.661	580.948.931.661
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	24.574.626.630	24.574.626.630
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>494.536.567.302</b>	<b>83.800.136.928</b>	<b>2.612.227.431</b>	<b>605.523.558.291</b>	<b>605.523.558.291</b>

**Theo khu vực địa lý**

Hơn 90% hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE**Khu công nghiệp Bình Xuyên,  
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/06/2016

**34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	30/06/2016	30/06/2015
		01/04/2016	01/04/2015
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>		<b>21.915.369.467</b>	<b>39.694.965.937</b>
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	161.548.811	19.705.882.016
Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	21.091.048.556	19.170.119.740
Công ty CP Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết	662.772.100	818.964.181
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>6.199.023.887</b>	<b>2.077.032.244</b>
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	63.330.000	73.117.364
Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	6.112.970.627	1.748.709.290
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	22.723.260	255.205.590
<b>Lãi cho vay vốn</b>		<b>6.941.933.334</b>	<b>9.130.888.888</b>
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	6.941.933.334	9.130.888.888

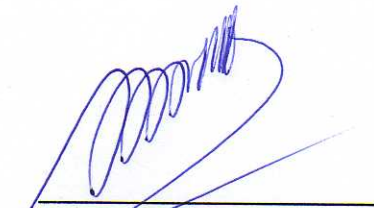
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
<b>Phải thu tiền hàng</b>		<b>4.845.444.527</b>	<b>20.076.192.211</b>
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	20.460.642	1.231.251.360
Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	4.637.090.540	18.750.737.269
Công ty CP Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết	187.893.345	94.203.582
<b>Phải trả tiền hàng</b>		<b>100.000.000</b>	-
Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	100.000.000	
<b>Cho vay dài hạn</b>		<b>120.000.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	120.000.000.000	130.000.000.000
<b>Phải thu lãi cho vay</b>		<b>1.091.211.111</b>	<b>1.336.482.222</b>
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	1.091.211.111	1.336.482.222
<b>Phải trả khác</b>		<b>18.468.000.000</b>	<b>18.468.000.000</b>
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	18.468.000.000	18.468.000.000

(\*) Tổng Giám đốc Công ty CP Thép và Vật tư Công Nghiệp là vợ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

**35 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015; số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015. Các báo cáo này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.



---

**Nguyễn Thị Thúy**  
Kế toán trưởng



---

**Nguyễn Hữu Thế**  
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 07 năm 2016